



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717 – Email: dichvu@hieuchuanimc.com – Web: hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.2826.26**

Tên phương tiện đo (Object): : **Máy thử độ bền nén (Compress testing machine)**

Kiểu (Type): **TYE-2000** Số (Serial Số) / Mã QL (Tag Số): **081**

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 800) kN, d = 2,5 kN

Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 2000) kN, d = 5 kN

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VN

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), U = 0,12.10⁻²

Chuẩn được liên kết tới chuẩn quốc gia

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **19 - 06 - 27**

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)


Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC
(Director)


GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Trang: 1/2
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate №): IMC.2826.26

Chỉ thị trên máy (Indicated on TYE 2000) (kN)	Chỉ thị trên máy (Indicated on TYE 2000) (kN)	Lực đo được (Measured force) (kN)
Thang đo (Range) (0 ÷ 800) kN; d = 2,5 kN		
01	0	0,0
02	150	150,4
03	300	300,7
04	450	451,1
05	600	601,3
06	750	751,4
Thang đo (Range) (0 ÷ 2000) kN; d = 5 kN		
01	0	0,0
02	300	300,9
03	600	601,6
04	900	902,4
05	1200	1203,3
06	1500	1503,6
07	1800	1804,5

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(26 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:

$$U = 1,2 \cdot 10^{-2}, k = 2, \text{ mức tin cậy } P \approx 95\%.$$

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(26 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is:

$$U = 1,2 \cdot 10^{-2}, k = 2, P \approx 95\%.$$

Trang: 2/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717 – Email: dichvu@hieuchuanimc.com – Web: hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): **IMC.2827.26**

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén**

Kiểu (Type): **TYA-300** Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): **051**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo lớn nhất (Max range): **300 kN**
Độ phân giải (Resolution): **0,01 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VN

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109 : 2002**

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

(Tensile - Compress testing machines - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **IMC.TB1.03 - Đầu đo lực (Force transducers)**
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty), $U = 0,12 \cdot 10^{-2}$
Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả (Results): **Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau**
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **19 - 06 - 27**

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC

(Director)

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Trang: 1/2
(№ of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2827.26

STT (Số)	Giá trị chỉ thị (kN) (Indicated values on the equipment)	Lực đo được (kN) (Measured force)	Sai số, % (Error, %)
1	0	0,00	0,00
2	50	50,2	-0,44
3	100	100,4	-0,40
4	150	150,6	-0,41
5	200	200,8	-0,37
6	250	250,9	-0,35
7	270	270,8	-0,31

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ với độ không đảm bảo đo:
 $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$.

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$. The measurement uncertainty is:
 $U = 0,8 \cdot 10^{-2}$, $k = 2$, $P \approx 95\%$).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)**
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)

Địa chỉ (Add.): thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel.): 0888.333.717 – Email: dichvu@hieuchuanimc.com – Web: hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): **IMC.2828.26**

Tên phương tiện đo (Object) : **Cân điện tử**

Kiểu (Type) : N/A

Số (Serial No) / Mã QL (Tag No): **M.595.19**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Shinko Denshin**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (range): **Max = 30.000 g**

Độ phân giải (Resolution): **d = 1 g**

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VN

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

QTHC 5.4 - 01- Quy trình hiệu chuẩn cân cấp độ chính xác 1 và 2, 3, và 4

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

IMC.TB1.35 - Bộ quả cân chuẩn F2

Chuẩn được liên kết tới quả cân chuẩn quốc gia
(Standard weights are traceable to the national mass standard)

Kết quả (Results) :

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **19 - 06 - 27**

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

GIÁM ĐỐC
(Director)



Trần Đình Tấn



GIÁM ĐỐC

Phạm Đông Dương

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)



Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): IMC.2828.26

STT	Mức cân, g	Giá trị chỉ thị, g	Số hiệu chính, g	ĐKĐBBĐ U, g
1	50	50	0	0,2
2	1.000	1.000	0	0,2
3	2.000	2.000	0	0,2
4	5.000	5.000	0	0,2
5	10.000	10.000	0	0,4
6	20.000	20.000	0	0,5
7	30.000	30.001	-1	0,5

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions) :

	Nhiệt độ (Temperature) , °C	Độ ẩm (Humidity) , %RH
Bắt đầu	24,0	55,0
Kết thúc	24,2	58,0

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy P = 95,45% (k=2)

Trang: 2/2
(Số of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)

Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:

0888.333.717